

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 4054/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2016 và 2017.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (Sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 về việc: “Ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình”; Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 về việc: “Phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015”; Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 về việc: “Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016”;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Ủy ban dân tộc về việc: “Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của chương trình 135”; Công văn số 2691/BTP-TGPL ngày 12/8/2016 của Bộ Tư pháp về việc: “Hướng dẫn lập dự toán kinh phí năm 2016 và 2017 để thực hiện Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ”;

Căn cứ Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về: “Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 4327/STC-HCSN ngày 12/10/2016 về việc “Đề nghị phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày

08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ", kèm theo đề nghị của Sở Tư pháp Thanh Hóa tại Công văn số 1237/STP-TGPL ngày 03/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2016 và 2017 để các ngành, các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chính như sau:

1. Nội dung, định mức chi và đối tượng được hưởng chính sách theo quy định thuộc dự toán do ngân sách tỉnh đảm nhiệm:

1.1. Các nội dung chi do ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí (theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 3 Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ) gồm: Xây dựng, phát chuyên trang, chuyên mục về trợ giúp pháp lý bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc trên Đài truyền thanh xã; tổ chức các đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý ở cơ sở.

1.2. Định mức chi (theo quy định tại điểm b, điểm c, Điều 4 Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ) gồm:

a) Chi phí biên soạn nội dung: 500.000,0 đồng/l số/06 tháng/xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

b) Chi phí phát thanh: 500.000,0 đồng/xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn/quý (6 lần/quý).

c) Chi phí tổ chức các đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý ở cơ sở: 2.000.000,0 đồng/xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn/l lần/năm.

1.3. Đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách:

a) Các xã đặc biệt khó khăn là: 152 xã (Một trăm năm mươi hai xã).

Trong đó:

- Theo Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc: "Phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015" là: 37 xã.

- Theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc: "Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016" là: 35 xã.

b) Các thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi không thuộc các xã nghèo (theo Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Ủy ban dân tộc" là: 158 thôn (Một trăm năm mươi tám thôn).

2. Tổng dự toán kinh phí: 1.938.000.000,0 đồng (Một tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu đồng).

Trong đó:

2.1. Năm 2016 là: 388.000.000,0 đồng.

2.2. Năm 2017 là: 1.550.000.000,0 đồng.

3. Nguồn kinh phí:

3.1. Năm 2016: Từ nguồn đảm bảo xã hội khác trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2016.

3.2. Năm 2017: Từ nguồn dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2017 (nguồn đảm bảo xã hội).

4. Tổ chức thực hiện:

4.1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ để thông báo bổ sung dự toán năm 2016 cho Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa để thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

4.2. Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

4.3. Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp dự toán kinh phí năm 2017 vào dự toán ngân sách chung toàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh phê chuẩn.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa, các ngành, các đơn vị có liên quan căn cứ vào nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

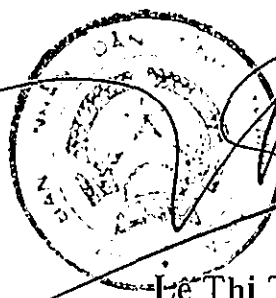
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT Thn2016201(15).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

Phụ biểu 01:

Dự toán kinh phí thực hiện chính sách pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016, thực hiện năm 2016

(Kèm theo Quyết định số: 4054 /QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Tổng số xã đặc biệt khó khăn: 152 xã

Tổng số thôn đặc biệt khó khăn: 158 thôn

Tính cho 2 tháng 10 và 11 năm 2016

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng số:		387 500 000	Định mức chi theo điểm 3 Điều 4 Quyết định số 32/ 2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ
	làm tròn số:		388 000 000	
1	Biên soạn nội dung	500.000 đ/xã, thôn x310 xã, thôn x 1 số /6x3	77 500 000	
2	Chi phí phát hành	500.000 đ/xã, thôn x 310 xã, thôn x 1 quý	155 000 000	
3	Chi phí tổ chức truyền thông về trợ giúp pháp lý ở cơ sở	2.000.000 đ/xã, thôn x 310 xã thôn x 3/12	155 000 000	

[Signature]

Phụ biểu 02:

Dự toán kinh phí thực hiện chính sách pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016, thực hiện năm 2017

(Kèm theo Quyết định số: 4054 /QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Tổng số xã đặc biệt khó khăn: 152 xã

Tổng số thôn đặc biệt khó khăn: 158 thôn

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng số:		1 550 000 000	
1	Biên soạn nội dung	500.000 đ/xã, thôn x 310 xã, thôn x 2 số	310 000 000	Định mức chi theo điểm 3 Điều 4 Quyết định số 32/ 2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ
2	Chi phí phát hành	500.000 đ/xã, thôn, thôn x 310 xã thôn x 4 quý	620 000 000	
3	Chi phí tổ chức truyền thông về trợ giúp pháp lý ở cơ sở	2.000.000 đ/xã, thôn x 310 xã thôn	620 000 000	

Ehm

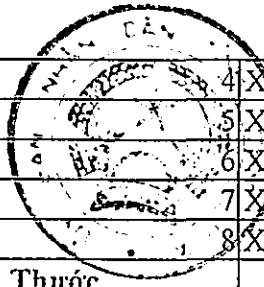
Phụ biểu 03:

DANH SÁCH CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 59/2012/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 59/2012/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Huyện	Tên xã	Ghi chú
	Tổng số:		152
I	Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/2/2016		115 xã
1	Huyện Mường Lát		
		1 Mường Chanh	
		2 Mường Lý	
		3 Nhi Sơn	
		4 Pù Nhi	
		5 Quang Chiêu	
		6 Tam Chung	
		7 Tén Tàn	
		8 Trung Lý	
2	Huyện Quan Sơn		
		1 Trung Thượng	
		2 Mường Mìn	
		3 Na Mèo	
		4 Sơn Điện	
		5 Sơn Hà	
		6 Sơn Thù	
		7 Tam Lư	
		8 Tam Thanh	
		9 Trung Hạ	
		10 Trung Tiến	
		11 Trung Xuân	
3	Huyện Quan Hóa		
		1 Hiền Chung	
		2 Hiền Kiệt	
		3 Nam Động	
		4 Nam Tiến	
		5 Nam Xuân	
		6 Phú Lệ	
		7 Phú Nghiêm	
		8 Phú Sơn	
		9 Phú Thanh	
		10 Phú Xuân	
		11 Thành Sơn	
		12 Thanh Xuân	
		13 Thiên Phú	
		14 Trung Sơn	
		15 Trung Thành	
		16 Xuân Phú	
4	Huyện Lang Chánh		
		1 Xã Đồng Lương	
		2 Xã Giao Thiện	
		3 Xã Lâm Phú	

Xét duyệt

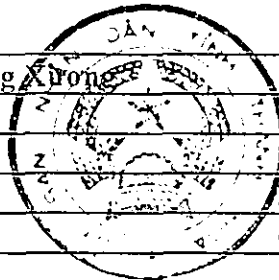


		4	Xã Tam Văn	
		5	Xã Tân Phúc	
		6	Xã Trí Nang	
		7	Xã Yên Khương	
		8	Xã Yên Thắng	
5	Huyện Bá Thước			
		1	Ban Công	
		2	Cổ Lũng	
		3	Điện Hạ	
		4	Điện Quang	
		5	Điện Thượng	
		6	Hạ Trung	
		7	Kỳ Tân	
		8	Lũng Cao	
		9	Lũng Niên	
		10	Thành Lâm	
		11	Thành Sơn	
		12	Thiết Ống	
		13	Văn Nho	
6	Cẩm Thủy			
		1	Cẩm Châu	
		2	Cẩm Liên	
		3	Cẩm Phú	
		4	Cẩm Thành	
7	Ngọc Lặc			
		1	Lộc Thịnh	
		2	Minh Tiến	
		3	Mỹ Tân	
		4	Ngọc Sơn	
		5	Phúc Thịnh	
		6	Phùng Giáo	
		7	Thạch Lập	
		8	Thúy Sơn	
		9	Vân Am	
8	Huyện Thường Xuân			
		1	Xã Bát Mọt	
		2	Xã Luận Khê	
		3	Xã Tân Thành	
		4	Xã Vạn Xuân	
		5	Xã Xuân Chinh	
		6	Xã Xuân Lẻ	
		7	Xã Xuân Lộc	
		8	Xã Xuân Thắng	
		9	Xã Yên Nhân	
9	Huyện Như Xuân			
		1	Xã Bình Lương	
		2	Xã Cát Tân	
		3	Xã Cát Vân	
		4	Xã Hóa Quý	
		5	Xã Tân Bình	
		6	Xã Thanh Hòa	
		7	Xã Thanh Lâm	



		8 Xã Thanh Phong	
		9 Xã Thanh Quán	
		10 Xã Thanh Sơn	
		11 Xã Thanh Xuân	
		12 Xã Xuân Bình	
		13 Xã Xuân Hòa	
		14 Xã Xuân Quý	
		15 Xã Yên Lễ	
10	Như Thanh		
		1 Xã Cán Khê	
		2 Xã Mậu Lâm	
		3 Xã Phúc Đường	
		4 Xã Phượng Nghi	
		5 Xã Thanh Kỳ	
		6 Xã Thanh Tân	
		7 Xã Xuân Khang	
		8 Xã Xuân Phúc	
		9 Xã Xuân Thái	
		10 Xã Xuân Thọ	
		11 Xã Yên Lạc	
11	Thạch Thành		
		1 Thạch Lâm	
		2 Thạch Tượng	
		3 Thành Công	
		4 Thành Minh	
		5 Thành Mỹ	
		6 Thành Tân	
		7 Thành Yên	
12	Triệu Sơn		
		1 Bình Sơn	
		2 Thọ Bình	
13	Tĩnh Gia		
		1 Tân Trường	
		2 Phú Sơn	
II	Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo QDD/QĐ -UBND ngày 1/4/2013		37 xã
1	Tĩnh Gia		
		1 Tân Dân	
		2 Hải Hòa	
		3 Hải Hà	
		4 Hải Châu	
		5 Ninh Hải	
		6 Tĩnh Hải	
		7 Hải Lĩnh	
		8 Hải Ninh	
		9 Hải An	
		10 Hải Yên	
		11 Nghi Sơn	
		12 Bình Minh	
		13 Hải Thượng	

Handwritten signature



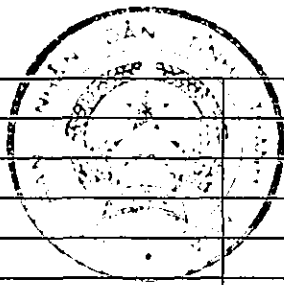
2	Quảng Xuy		
		1	Quảng Vinh
		2	Quảng Hùng
		3	Quảng Hải
		4	Quảng Đại
		5	Quảng Nham
		6	Quảng Lưu
		7	Quảng Thạch
		8	Quảng Lợi
		9	Quảng Thái
3	Hậu Lộc		
		1	Hưng Lộc
		2	Hải Lộc
		3	Minh Lộc
		4	Ngư Lộc
		5	Đa Lộc
4	Hoàng Hóa		
		1	Hoàng Châu
		2	Hoàng Hải
		3	Hoàng Thanh
		4	Hoàng Trường
		5	Hoàng Tiến
		6	Hoàng Phụ
5	Nga Sơn		
		1	Nga Thủy
		2	Nga Tiến
		3	Nga Tân
6	Thị xã Sầm Sơn		
		1	Quảng Cư

Handwritten signature

DANH SÁCH CÁC THÔN BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN (THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 582/UBND NGÀY 18/12/2013 ĐÃ TRỪ CÁC THÔN THUỘC XÃ NGHÈO THEO PHỤ LỤC 1) ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 32/2016/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ.

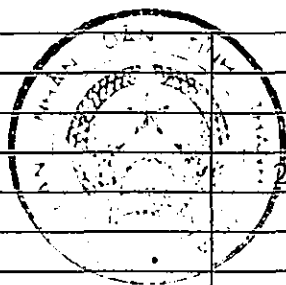
(Kèm theo Quyết định số: 4054 /QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

SỐ TT	Huyện	SỐ TT	Tên xã	SỐ TT	Thôn, bản
1	Mường Lát				
		1	Thị trấn		
				1	Khu 1 (Bản Poong)
				2	Khu 3 (Pom Buôi)
2	Quan Sơn				
		2	Thị trấn		
				3	Khu 2
3	Quan Hóa				
		3	Thị trấn	4	Khu 6
4	Ngọc Lặc				
		4	Mình Sơn		
				5	Mình Nguyên
				6	Mình Thọ
				7	Mình Lương
				8	Ngọc Áng
		5	Ngọc Khê		
				9	Tân Thành
				10	Cao Nguyên
		6	Ngọc Liên		
				11	Thôn 6
				12	Thôn 7
				13	Thôn 13
		7	Ngọc Trung		
				14	Ngọc Tân
				15	Tân Mỹ
				16	Xuân Minh
				17	Quang Thành
		8	Cao Ngọc		
				18	Làng Cây Thị
				19	Làng Xám
				20	Làng Cò Mùn
				21	Làng Côn
				22	Làng Thi
		9	Cao Thịnh		
				23	Lim Còm
				24	Đồng Giành
		10	Đồng Thịnh		
				25	Làng Bương
				26	Làng Đồi Đỏ
				27	Làng Chiềng
		11	Kiên Thọ		
				28	Thành Công



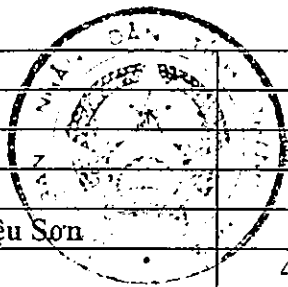
			29	Thọ Liên	
			30	Đức Thịnh	
			31	Kiên Minh	
		12	Nguyệt Ân		
			32	Làng Mới	
			33	Làng Ươu	
			34	Làng Tường	
			35	Đồng Keo	
			36	Đồng Cạn	
		13	Phùng Minh		
			37	Làng Chu	
			38	Làng Cốc	
			39	Làng Quý	
			40	Tân Lập	
		14	Quang Trung		
			41	Quang Thủy	
			42	Quang Tọa	
			43	Quang Thắng	
5	Như Xuân				
		15	TT Yên cát	44	Thôn Lũng
6	Như Thanh				
		16	Hải Long		
			45	Tân Long	
		17	Phú Nhuận		
			46	Tân Phú	
			47	Phú Nhuận	
			48	Trung Khế	
			49	Bồng Sơn	
		18	Xuân Du		
			50	Thôn 1 (Đồng Bún)	
		19	Yên Thọ		
			51	Yên Xuân	
7	Cầm Thủy				
		20	Cầm Phong		
			51	Thôn Tân Phong	
		21	Cầm Bình		
			53	Thôn Bình Sơn	
			54	Thôn Bình Yên	
		22	Cầm Giang		
			55	Thôn Sun	
			56	Thôn Mới	
		23	Cầm Long		
			57	Thôn Báy	
			58	Thôn Mọ	
			59	Thôn Vân Long	
			60	Thôn Ngọc Long	
			61	Thôn Mỹ Long	
		24	Cầm Lương		
			62	Thôn Lương Thuận	
		25	Cầm Quý		
			63	Thôn Quang Áo	

Handwritten signature/initials.



			64	Thôn Trang
			65	Thôn Khạ
			66	Thôn Quý Lâm
		26	Cầm Sơn	
			67	Thôn Gia Dụ 1
			68	Thôn Gia Dụ 2
			69	Thôn Ngọc Sơn
		27	Cầm Tâm	
			70	Thôn Vót
			71	Thôn Trong
			72	Thôn Dung
		28	Cầm Tú	
			73	Thôn Bắc Thái
			74	Thôn Đồng Danh
		29	Cầm Thạch	
			75	Thôn Trày
			76	Thôn Bẹt
			77	Thôn Thủy
			78	Thôn Cốc
			79	Thôn Vàn
		30	Cầm Yên	
			80	Thôn 101 (Yên Duyệt)
			81	Thôn 102 B
			82	Thôn 104 (Làng Trâm)
8	Thạch Thành			
		31	Ngọc Trạo	
			83	Thôn Ngọc Long
			84	Thôn Ngọc Thanh
		32	Thạch Cầm	
			85	Thôn Cầm Lợi 2
			86	Thôn Thạch Môn
			87	Thôn Cầm Mới
			88	Thôn Đồng Tiến
		33	Thạch Đồng	
			89	Thôn Cự Môn
		34	Thạch Long	
			90	Thôn 5
		35	Thành Tâm	
			91	Thôn Quỳnh Lâm
			92	Thôn Ban Thịnh
		36	Thành Tiến	
			93	Thôn 4
		37	Thành Vinh	
			94	Thôn Anh Thành
			95	Thôn Cự Nhan
			96	Thôn Phượng Long
			97	Thôn Tân Thành
			98	Thôn Hồi Phú
			99	Thôn Mỹ Lợi
9	Thọ Xuân			
		38	Xuân Phú	

Handwritten signature



				100	Đồng Luông
				101	Bàn Lai
		39	Xuân Thắng		
				102	Thôn 9
10	Triệu Sơn				
		40	Thọ Sơn		
				103	Thôn 2
				104	Thôn 7
				105	Thôn 10
				106	Thôn 11
				107	Thôn 12
				108	Thôn 16
		41	Triệu Thành		
				109	Bình Định
				110	Châu Thành
				111	Sơn Hương
				112	Minh Thành
				113	Cồn Phang
11	Vĩnh Lộc				
		42	Vĩnh An		
				114	Núi Sen
				115	Núi Châu
				116	Núi Ác Sơn
		43	Vĩnh Hùng		
				117	Thôn Việt Yên
				118	Thôn Làng Mới
				119	Thôn Sóc Sơn 1
				120	Thôn Sóc Sơn 3
				121	Thôn Đồng Mục
		44	Vĩnh Hưng		
				122	Làng Còng
				123	Làng Nhân Sơn
		45	Vĩnh Long		
				124	Thôn Tân Lập
				125	Thôn Đồi Thới
				126	Thôn Đồi Mỏ
				127	Thôn Bèo 2
		46	Vĩnh Quang		
				128	Thôn Quan Nhân
		47	Vĩnh Thịnh		
				129	Thôn Đồng Lừ
12	Tĩnh Gia				
		48	Phú Lâm		
				130	Trường Sơn
				131	Phú Thịnh
				132	Văn Sơn
				133	Thung Cối
		49	Trường Lâm		
				134	Minh Châu
				135	Minh Lâm
				136	Trường Thanh

Handwritten signature/initials.

13	Hà Trung				
		50	Hà Đông		
				137	Kim Thành
				138	Núi Gà
		51	Hà Lĩnh		
				139	Thôn 4
				140	Thôn 9
				141	Thôn 12
		52	Hà Long		
				142	Khắc Dũng
				143	Nghĩa Đụng
		53	Hà Sơn		
				144	Vĩnh An
				145	Hà Hợp
				146	Tứ Quý
				147	Giang Sơn 10
		54	Hà Tân		
				148	Vỹ Liệt
				149	Đô Mỹ
		55	Hà Tiên		
				150	Cầm Sơn
				151	Hương Dạm
				152	Bồng Sơn
				153	Đồng Bồng
				154	Đồng Ô
	Yên Định				
		56	Yên Lâm		
				155	Khắc Long
				156	Phúc Trí
				157	Quan Trì
				158	Cao Khánh
	Tổng cộng:			158	

Handwritten signature